

ID VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+P3	7:25	19+3	0+0		10+12	0+0	chuyen 2 P4-P3
2		P11+TD2	7:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
3		TD5+TD3	7:25	22+0	0+0		17+5	0+0	
4		VSP01+TD3	9:25	13+9	0+0		12+10	0+0	
5		PPD+P4	9:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
6		RP3+RP2+BK14	9:25	20+0+1	0+0+0		19+1+2	0+0+0	
7		T.JUNG	11:30	16	0		18	0	
8		P11+AMD	12:00	14+8	0+0		9+11	0+0	
9		PVD8+SAVR+PPD	12:00	5+8+5	0+0+0		0+0+13	0+0+0	
10		AMD+TGT4+TD2	14:00	16+6	0+0		12+5	0+0	
11		VSP01+TD1	14:00	19+0	0+0		20+2	0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 03/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P4 - P3	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0050	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN LÊ HUY	P4	71	1	5			71	KHI	Vietnamese
2	ĐÌNH NGỌC QUY	P4	69-70	2	7			78	KHI	Vietnamese
3	PHẠM TRAI	P4	76	1	5			58	KHI	Vietnamese
4	TẠ XUÂN HIỆU	P4	80	1	6			65	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	82	1	4			68	KHI	Vietnamese
6	PHẠM THỂ TRƯỞNG	P4	81	1	5			76	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	86	1	4			64	KHI	Vietnamese
8	PHAN HỒNG TÂM	P4	74-75	2	7			62	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HOÀNG TRƯỞNG	P4						78	KHI	Vietnamese
10	LÊ XUÂN HIẾN	P4	83-84	2	15			60	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P4	78	1	4			71	KHI	Vietnamese
12	LÊ HỒNG PHONG	P4	77	1	7			81	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	73	1	4			63	KHI	Vietnamese
14	HUỶNH BA NINH	P4	85	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4						83	KHI	Vietnamese
16	LÊ TRUNG LÂM	P4						70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TÀI	P4						69	KHI	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	79	1	7			66	KHI	Vietnamese
19	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	72	1	4			75	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN THỊ HẠNH	P3	22-23	2	15			72	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ HUY MẠNH	P3	15-16	2	15			79	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG NGỌC LAN	P3	17	1	13			79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	19	1.315	18	87	0	0	10	2	CHUYỂN 2 PAX TỪ P4-P3
2	P3	3	230	5	43	0	0	12		
TOTAL		22	1.545	23	130	0	0	22		
WEIGHT KG			1.545		130		0			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P11 - TD2	CREW: DUONG - NPHU - TU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0054	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	DUONG DIEP PHI	P11						77	KHOAN	Vietnamese
2	VU VAN DOANH	P11						70	KHOAN	Vietnamese
3	CAO DINH THANH	P11	42	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN HAU	P11	44	1	3			73	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN LE KIEN	P11	45	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG DUC ANH	P11	41	1	10			89	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN PHUONG DUY	P11	43	1	16			136	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VIET DUNG	TD2	86	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGOC DUNG	TD2	69	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
10	VUONG DINH LIEN	TD2	79-80	2	6			61	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG TUAN	TD2	03	1	9			75	KHOAN	Vietnamese
12	DOAN VAN HUNG	TD2	77	1	7			54	KHOAN	Vietnamese
13	VU THANH TUAN	TD2	78	1	10			92	KHOAN	Vietnamese
14	DO TRONG HAI	TD2	74-75	2	20			80	YTE	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DOAN	TD2	70-71	2	19			57	SLB	Vietnamese
16	UMANG KHULLAR	TD2	72-73	2	20			62	SLB	Indian
17	NGO QUANG HUNG	TD2	76	1	11			78	KHOAN	Vietnamese
18	CAO VAN LOI	TD2	66	1	2			67	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VINH TINH	TD2	67-68	2	7			54	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM VAN HIEU	TD2	98-99	2	10			73	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN THAI AN	TD2	02	1	12			70	DVL	Vietnamese
22	VU NGOC TIEN	TD2	04	1	8			77	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	7	577	5	39	0	0	6		
2	TD2	15	1.046	21	155	0	0	16		
TOTAL		22	1.623	26	194	0	0	22		
WEIGHT KG			1.623		194		0			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

BUI HOANG DUONG

DAO NGOC PHU



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TD5 - TD3	CREW: HUNG - N.CUONG - TOAN	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/0058	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	DAVYDOV DANIL	TD5	16	1	5	1	11	72	KHOAN	Russian
2	CHUSH MAKSIM	TD5	23	1	6			100	KHOAN	Russian
3	NGUYEN XUAN THE	TD5	15	1	6			59	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH VAN SU	TD5						82	KHOAN	Vietnamese
5	VY HUNG CUONG	TD5	02	1	8			75	KHOAN	Vietnamese
6	HA QUOC DUNG	TD5	01	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN CHI QUY	TD5	07	1	17			71	KHOAN	Vietnamese
8	LUU VAN MANH	TD5	05	1	4			57	KHOAN	Vietnamese
9	HA VAN PHUC	TD5	06	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
10	LE TRONG NGHIA	TD5	10	1	5			83	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG LINH*	TD5	14	1	7	2	27	70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DUC THINH*	TD5	13	1	12			84	KHOAN	Vietnamese
13	MAI THE HIEN*	TD5	12	1	11			86	KHOAN	Vietnamese
14	BUI TIEN THANH	TD5	11	1	9			81	KHOAN	Vietnamese
15	ĐINH SY TUAN	TD5	08-09	2	13			71	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN DUY ĐỨC*	TD5	03	1	12			84	KHOAN	Vietnamese
17	VU HUU KE	TD5	19-21	3	10	1	12	84	KHOAN	Vietnamese
18	NGO THUAN THANH*	TD5	17-18	2	18			74	KHOAN	Vietnamese
19	LE THANH TU	TD5	25	1	9			82	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG LONG*	TD5	26	1	12	3	44	66	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN SY	TD5	04	1	4			55	PSV	Vietnamese
22	ĐOAN TRUNG KIEN	TD5	24	1	3			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	22	1.653	25	178	7	94	17		
2	TD3	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	1.653	25	178	7	94	22		
WEIGHT KG			1.653		178		94			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO:VSP01 - TD3	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/0051	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KOZLOV E.A.	VSP01	96	1	10			82	KH-THAC	Russian
2	BORVINSKY A.A.	VSP01	94	1	9			93	KH-THAC	Russian
3	HUYNH KIM KHANH	VSP01	98	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HOANG THANH	VSP01	25	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HAI HÀ	VSP01	22-24	3	19			65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01						67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NAM SINH*	VSP01	91	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	90	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VĂN TRƯƠNG	VSP01	95	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ HÙNG HAI	VSP01	88-89	2	15			75	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NAM*	VSP01	86-87	2	12			73	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TUYẾN	VSP01	92-93	2	9			69	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VIỆT TÙNG	VSP01	97	1	16			66	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI HUU VŨNG	TD3	67	1	6			91	KHOAN	Vietnamese
15	LƯU VĂN SƠN	TD3	68	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ THANH HAI	TD3	63-64	2	19	1	3	103	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THÀNH	TD3	72-73	2	8			73	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ TOÀN THẮNG*	TD3	69	1	11	1	20	77	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN HAI NAM	TD3						71	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM TIỀN CHUNG	TD3	66	1	3			94	KHOAN	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN KHOA	TD3	65	1	13			67	KHOAN	Vietnamese
22	QUÁCH ĐẶC THẬN	TD3	62	1	4	1	6	52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	13	941	17	123	0	0	12		
2	TD3	9	695	10	69	3	29	10		
TOTAL		22	1.636	27	192	3	29	22		
WEIGHT KG			1.636		192		29			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: PPD - P4	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/0055	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	27	1	5			69	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	43	1	6			63	KHI	Vietnamese
3	TRIỆU QUANG TIẾN	PPD	49-50	2	10			67	KHI	Vietnamese
4	ĐO NGỌC TÂN	PPD	38	1	7			76	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	37	1	3			70	KHI	Vietnamese
6	LÊ MINH PHỤNG	PPD	39	1	8			78	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	42	1	3			69	KHI	Vietnamese
8	DOÀN THANH CÔNG	PPD	41	1	5			72	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	40	1	4			77	KHI	Vietnamese
10	KOLESNIK A.Y	PPD	47-48	2	8			99	KHI	Russian
11	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	28-29	2	13			83	KHI	Vietnamese
12	PHẠM HAI QUANG	PPD	34	1	4			70	KHI	Vietnamese
13	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	44	1	8			86	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	25	1	9			87	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI THANH	PPD	33	1	2			63	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC HOA	PPD	26	1	5			76	KHI	Vietnamese
17	TRỊNH QUỐC THANH	PPD	45-46	2	12			105	KHI	Vietnamese
18	VŨ MẠNH HÙNG	PPD	35	1	4			79	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỜNG NHẬT MINH	PPD	30	1	9			82	KHI	Vietnamese
20	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	36	1	6			63	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN DUÂN	PPD	31-32	2	11			64	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN CÁN	PPD	24	1	12			68	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	22	1.666	27	154	0	0	16		
2	P4	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	1.666	27	154	0	0	22		
WEIGHT KG			1.666		154		0			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:58
B.CARD: TRANG-2	TO:RP3 - RP2 - BK14	CREW: HUNG - N.CUONG - TOAN	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/0059	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LAM TIEN PHI	RP3	80	1	9			83	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN SANG	RP3	71	1	6			59	KHI	Vietnamese
3	TRAN VAN SEN	RP3	68	1	5			67	KHI	Vietnamese
4	LE NHU NGUYEN	RP3	77-78	2	9			65	KHI	Vietnamese
5	HO VAN LUONG	RP3	72	1	2			64	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CU	RP3	69	1	3	3	50	58	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	79	1	3			78	KHI	Vietnamese
8	DANG HUY KHANH	RP3	74	1	8			80	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN THANH HA	RP3	63	1	5			85	KHI	Vietnamese
10	PANKRATOV R.E.	RP3	81	1	11			93	KHI	Russian
11	HA THE BAO	RP3						78	KHI	Vietnamese
12	PHAM VAN LAP	RP3						59	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VIET KY	RP3	76	1	5			71	KHI	Vietnamese
14	NGO NGOC HAN	RP3	73	1	7			64	KHI	Vietnamese
15	PHAM BINH NAM	RP3	75	1	7			61	KHI	Vietnamese
16	LUONG DUC THIEN	RP3	70	1	6			106	KHI	Vietnamese
17	THAI DOAN VIET	RP3	65	1	8			69	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG HA	RP3	66	1	6			66	KHI	Vietnamese
19	BUI DUY GIA	RP3	67	1	7			52	KHI	Vietnamese
20	CAO VAN TRUONG	RP3	64	1	8			61	KHI	Vietnamese
21	LUONG CONG DAT	BK14	15-16	2	14	1	12	67	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	20	1.419	19	115	3	50	19		
2	RP2	0	0	0	0	2	33	1		
3	BK14	1	67	2	14	1	12	2		
TOTAL		21	1.486	21	129	6	95	22		
WEIGHT KG			1.486		129		95			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

LAI HONG DIEP

CREW

LE QUY HUNG
PHAN NHU CUONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:30
B.CARD: NAU-3	TO:T.UNG	CREW: LTUẤN - XTRƯỜNG	ETA: 14:30
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/0019	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	58-59	2	14	4	70	74	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	48	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	51	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ THANH TÙNG	T.UNG	53	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	55	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
6	DUƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	57	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	60	1	10			83	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN CƯỜNG	T.UNG						67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	54	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐAN	T.UNG						63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY ĐU	T.UNG	50	1	6			97	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH HẠO	T.UNG	52	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐUƠNG NGỌC HIỂN	T.UNG	49	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC SÙNG	T.UNG	56	1	8			53	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯU ĐỨC NGUU	T.UNG	61-62	2	11			66	GETRACO	Vietnamese
16	VŨ DUY PHƯƠNG	T.UNG						59	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	16	1.143	15	94	4	70	18		
TOTAL		16	1.143	15	94	4	70	18		
WEIGHT KG			1.143		94		70			

GRAND TOAL: 1.307 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN
HÀ XUÂN TRƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P11 - AMD	CREW: KHOAN - CHIEN - QTRUONG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/0052	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG NHAT QUANG	P11	51	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HUYNH	P11	50	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUY PHUC	P11	58	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THUAN	P11	59	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN HOA	P11	52-53	2	11			80	KHOAN	Vietnamese
6	BUI NGOC TU	P11	48	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG TIEN TOAN	P11	62	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
8	VU TRUNG KIEN	P11	57	1	15			77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN GIA CUONG	P11	56	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
10	LE QUANG ĐẠO	P11	60-61	2	19			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU NAM	P11	47	1	6			83	KHOAN	Vietnamese
12	LE VIET TUAN*	P11	54-55	2	11			85	CODIEN	Vietnamese
13	ĐẠO ĐỨC THIÊN	P11	46	1	18			73	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN KHAN	P11	49	1	7			76	PSV	Vietnamese
15	ĐẠO THANH MAI	AMD	83	1	12			53	HLJOC	Vietnamese
16	TRẦN THANH QUANG	AMD	76	1	7			69	HLJOC	Vietnamese
17	DƯƠNG CHÍ PHONG	AMD	79	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẠO MINH TUAN	AMD	77	1	6			94	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ANH DUNG	AMD	78	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN TRUNG KIEN	AMD	75	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
21	VU MANH HA	AMD	80	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN NGHIA	AMD	82	1	9	1	10	63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	14	1.008	17	131	0	0	9		
2	AMD	8	583	8	59	1	10	11		
TOTAL		22	1.591	25	190	1	10	20		
WEIGHT KG			1.591		190		10			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: TIM-3	TO: PVD8 - SAVR - P2	CREW: LINH - MTHAO - MQUÂN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/0056	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	EUGENE LAWRENCE PAYNE	PVD8	45-46	2	15			65	PVD DD	Canadian
2	MAI ANH TUÂN	PVD8	50	1	14			72	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG THANH	PVD8	49	1	12	3	88	73	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU VIỆT	PVD8	47	1	8			68	ANTOAN	Vietnamese
5	TRẦN ĐẶC LIÊM	PVD8	48	1	10			87	ANTOAN	Vietnamese
6	BUI BACH DUONG*	SAVR	76	1	12	4	55	72	DVL	Vietnamese
7	BUI ĐỨC TRUNG	SAVR	74	1	12			63	DVL	Vietnamese
8	DƯƠNG THẾ ĐỨC*	SAVR	75	1	13			79	DVL	Vietnamese
9	PHẠM TRI DUNG	SAVR	65-67	2	14	3	37	61	BAKER HUC	Vietnamese
10	TRƯỜNG NAM THĂNG	SAVR	63-64	2	14			60	BAKER HUC	Vietnamese
11	RIZKI AKHWAN	SAVR	70-71	2	20			81	BAKER HUC	Indonesian
12	ĐÌNH TRẦN ĐỨC TRI	SAVR	68-69	2	15			64	BAKER HUC	Vietnamese
13	ÔNG HUYNH ĐỨC ANH	SAVR	72-73	2	12			71	BAKER HUC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HÙNG	P2	53	1	10			56	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC DUNG	P2	54	1	8			79	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN VŨ*	P2	55	1	8			68	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CAO	P2	51	1	6			65	KHI	Vietnamese
18	TRẦN VĂN DUNG	P2	52	1	3			75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	5	365	6	59	3	88	4		
2	SAVR	8	551	13	112	7	92	4		
3	P2	5	343	5	35	0	0	13		
TOTAL		18	1.259	24	206	10	180	21		
WEIGHT KG			1.259		206		180			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGÔ VĂN LINH
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO: AMD - TGTH4 - TD2	CREW: XHOÀN - CHIẾN - QTRƯỜNG	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/0053	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VĂN QUÂN	AMD	17	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ NGỌC CHÍNH	AMD	29	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN QUANG	AMD	24	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH THAI	AMD	27-28	2	13			78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	18	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HÙNG	AMD	19	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HỒNG THAI	AMD	16	1	2			63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	32	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	20	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRỊNH VĂN THAI	AMD	30	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	31	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HIỆN	AMD	25	1	6			54	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH TIÊN(*)	AMD	26	1	5			57	PSV	Vietnamese
14	VÕ MẠNH HÀ	AMD	21-22	2	15			73	PHATECO	Vietnamese
15	LÊ NHƯ HÙNG	AMD	23	1	10			57	PHATECO	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY DÂN*	AMD	33	1	9			77	PHATECO	Vietnamese
17	ĐẠO CÔNG BÌNH	TGTH4	31	1	13			68	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VĂN GIANG	TGTH4	27	1	10	1	13	69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	TGTH4	28-29	2	20			57	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN KHANH	TGTH4	30	1	9			59	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN KHÁC TOÀN	TGTH4	34	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG VĂN THỤ	TGTH4	33	1	8			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	16	1.085	18	115	0	0	12		
2	TGTH4	6	402	7	70	1	13	5		
3	TD2	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.487	25	185	1	13	18		
WEIGHT KG			1.487		185		13			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:35
B.CARD: VANG-4	TO: VSP01 - TD1	CREW: LINH - MTHAO - MQUÂN	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/0057	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	46	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ HAI ĐĂNG	VSP01	35	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
3	TRỊNH TIẾN BÌNH	VSP01	31	1	9			96	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN THANH LỢI	VSP01	29	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP01	36	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	26	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ THANH TUẤN	VSP01	43	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC LAN	VSP01						72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN TẤN SANG	VSP01	34	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY ĐÔNG	VSP01	65	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÙNG(*)	VSP01	28	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRẦN BÌNH	VSP01	39-40	2	7			72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH HÀ	VSP01	65-66	2	17			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THUẬN HAI	VSP01	27	1	3			50	KH-THAC	Vietnamese
15	LẠI TUẤN ANH	VSP01	44-45	2	16			89	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG HÀ	VSP01	37-38	2	11			83	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THUY	VSP01						63	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG MINH TÂM	VSP01	32	1	6	1	18	59	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ MINH HỘI	VSP01	30	1	5			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	19	1.371	21	125	1	18	20		
2	TD1	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	1.371	21	125	1	18	22		
WEIGHT KG			1.371		125		18			

GRAND TOAL: 1.514 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO